Phụ lục

PHÂN CÔNG THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRONG KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN SẮN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-BNN-TT ngày tháng năm của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hoạt động cụ thể** | **Cơ quan chủ trì** | **Cơ quan phối hợp** | **Thời gian thực hiện** |
| **I** | **Tuyên truyền, phổ biến, triển khai thực hiện Đề án** | | | |
| 1.1 | Tuyên truyền phổ biến Đề án sắn và Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án. | Cục Trồng trọt | Báo Nông nghiệp Việt Nam, Hiệp hội sắn Việt Nam và các đơn vị có liên quan | 2024-2030 |
| 1.2 | Truyền thông các giải pháp áp dụng trong chuỗi sản xuất sắn bền vững. | Trung tâm Khuyến nông Quốc gia | Báo Nông nghiệp Việt Nam và các đơn vị có liên quan | 2024-2030 |
| 1.3 | Truyền thông các mô hình sản xuất sắn theo chuỗi giá trị, cho hiệu quả kinh tế cao, phát triển bền vững, tạo hiệu ứng lan tỏa, thu hút và khuyến khích các tổ chức, người dân tham gia áp dụng và nhân rộng. | Trung tâm Khuyến nông Quốc gia | Báo Nông nghiệp Việt Nam, Hiệp hội sắn Việt Nam và các đơn vị có liên quan | 2024-2030 |
| 1.4 | Tuyên truyền, phổ biến các văn bản qui phạm pháp luật, quy trình, tài liệu quản lý và hướng dẫn kỹ thuật canh tác sắn bền vững. | Cục Trồng trọt, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia | Hiệp hội sắn Việt Nam và các đơn vị có liên quan | 2024-2030 |
| 1.5 | Triển khai thực hiện Đề án trên địa bàn đảm bảo đồng bộ, thống nhất với Kế hoạch thực hiện Đề án của Bộ; tuyên truyền, nâng cao nhận thức về quan điểm, mục tiêu và định hướng của Đề án. | Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh/TP | Hiệp hội sắn Việt Nam và các cơ quan, đơn vị có liên quan | 2024-2030 |
| **II** | **Khoa học công nghệ và khuyến nông** | | | |
| 2.1 | Thu thập, trao đổi, lưu giữ nguồn gen sắn phục vụ công tác chọn tạo giống sắn. | Vụ KHCN & MT | Viện KHNN Việt Nam và các đơn vị liên quan trung ương và địa phương | 2024-2030 |
| 2.2 | Nghiên cứu chọn tạo, phát triển và nhân rộng giống và tiến bộ kỹ thuật mới trong canh tác và chế biến sắn, các sản phẩm từ sắn. | Vụ KHCN & MT | Viện KHNN Việt Nam, Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường và các đơn vị liên quan trung ương và địa phương | 2024-2030 |
| 2.3 | Xây dựng, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, qui chuẩn kỹ thuật phục vụ quản lý cây sắn theo chuỗi sản phẩm (giống, BVTV, chế biến…). | Các Cục: Trồng trọt; Bảo vệ thực vật; Chất lượng, Chế biến và PTTT | Vụ KHCN&MT và các đơn vị có liên quan | 2024-2030 |
| 2.4 | Chuyển giao giống, TBKT, công nghệ, qui trình canh tác sắn bền vững; qui trình công nghệ chế biến đảm bảo ATVSTP; mô hình canh tác sắn cho hiệu quả kinh tế cao, đa giá trị, tuần hoàn… | Trung tâm Khuyến nông | Hiệp hội sắn Việt Nam và các cơ quan, đơn vị trung ương, địa phương có liên quan | 2024-2030 |
| **III** | **Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực quản lý nhà nước** | | | |
| 3.1 | Tổ chức các lớp tập huấn nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, doanh nghiệp và nông dân sản xuất sắn văn bản qui phạm pháp luật, tiến bộ kỹ thuật, quy trình công nghệ... canh tác sắn bền vững | Cục Trồng trọt | Trung tâm Khuyến nông Quốc gia và các đơn vị có liên quan | 2024-2030 |
| 3.2 | Xây dựng cơ sở dữ liệu vè ngành hàng sắn. | Chuyển đổi số và Thống kê nông nghiệp | Các đơn vị có liên quan | 2024-2030 |
| **IV** | **Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách** | | | |
| 4.1 | Rà soát, đánh giá việc thực thi pháp luật hiện hành, đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật, các quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn đối với sắn lát, tinh bột sắn và các sản phẩm từ sắn phục vụ phát triển bền vững ngành hàng sắn. | Cục Trồng trọt | Vụ Pháp chế và các cơ quan, đơn vị có liên quan và địa phương | 2024-2030 |
| 4.2 | Rà soát, hoàn thiện chính sách khuyến khích các doanh nghiệp, HTX đầu tư phát triển sản xuất sắn bền vững. | Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn | Vụ Pháp chế, Hiệp hội sắn Việt Nam và các đơn vị có liên quan | 2024-2030 |
| 4.3 | Đề xuất ban hành các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, chế biến, tiêu thụ sắn, sản phẩm sắn tại địa phương nhằm thúc đẩy các doanh nghiệp tăng cường đầu tư sản xuất sắn. | Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh/TP | Hiệp hội sắn Việt Nam và các cơ quan, đơn vị trung ương, địa phương có liên quan | 2024-2030 |
| 4.4 | Hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp. | Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn | Các cơ quan, đơn vị trung ương, địa phương có liên quan | 2024-2030 |
| **V** | **Phát triển thị trường** | | | |
| 5.1 | Cập nhật, phổ biến thông tin, qui định thị trường; tham mưu đề xuất, xử lý những vấn đề phát triển thị trường sắn và các sản phẩm từ sắn tới doanh nghiệp và người sản xuất. | Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường | Trung tâm chuyển đổi số và Thống kê nông nghiệp, Hiệp hội sắn Việt Nam và các cơ quan, đơn vị trung ương, địa phương có liên quan | 2024-2030 |
| 5.2 | Tổ chức các hội thảo, hội chợ, triển lãm, diễn đàn xúc tiến thương mại, kết nối các doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm. | Trung tâm xúc tiến thương mại nông nghiệp | Hiệp hội sắn Việt Nam và các cơ quan, đơn vị trung ương, địa phương có liên quan | 2024-2030 |
| 5.3 | Tổ chức triển khai hiệu quả các hình thức hợp tác, liên kết trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sắn, sản phẩm từ sắn theo chuỗi giá trị. | Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn | Hiệp hội sắn Việt Nam và các cơ quan, đơn vị trung ương, địa phương có liên quan | 2024-2030 |
| 5.4 | Đàm phán mở rộng thị trường, tháo gỡ rào cản kỹ thuật đối với các sản phẩm từ sắn. | Cục Bảo vệ thực vật | Các cơ quan, đơn vị trung ương, địa phương có liên quan | 2024-2030 |
| **VI** | **Đầu tư tăng cường năng lực** | | | |
| 6.1 | Tăng cường hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ về giống, trao đổi nguồn gen, đào tạo nguồn nhân lực… | Vụ Hợp tác quốc tế | Các cơ quan, đơn vị trung ương, địa phương có liên quan | 2024-2030 |
| 6.2 | Tổng hợp đề xuất nguồn vốn đầu tư; lồng ghép các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ về phát triển bền vững ngành hàng sắn. | Vụ Kế hoạch | Các đơn vị có liên quan | 2024-2030 |
| **VII** | **Tổ chức kiểm tra, đánh giá** | | | |
| 7.1 | Theo dõi, tổng hợp, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện Đề án | Cục Trồng trọt | Các cơ quan, đơn vị có liên quan | 2024-2030 |
| 7.2 | Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Đề án. | Cục Trồng trọt | Các cơ quan, đơn vị có liên quan | 2030 |